

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý, sử dụng
cơ sở dữ liệu trị giá hải quan

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Điều 22 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định về việc xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu trị giá hải quan;

Căn cứ Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Quyết định số 02/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế xuất nhập khẩu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu trị giá hải quan.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. *Nm*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo TCHQ (để b/c);
- Vụ CST, Vụ PC (để phối hợp);
- Lưu: VT, TXNK(30 b).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Dương Thái

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2015

**QUY CHẾ
XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU TRỊ GIÁ HẢI QUAN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2344 /QĐ-TCHQ
ngày 07 tháng 8 năm 2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan

Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan là thông tin liên quan đến xác định trị giá hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do cơ quan hải quan thu thập, tổng hợp, phân loại, theo quy định của Bộ Tài chính. Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan được Tổng cục Hải quan xây dựng tập trung thống nhất và thường xuyên cập nhật, bao gồm:

1. Các thông tin liên quan đến trị giá hải quan trong hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan;
2. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về trị giá và mức giá tham chiếu kèm theo.

Điều 2. Nguồn thông tin hình thành cơ sở dữ liệu trị giá hải quan

Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan hình thành từ các nguồn:

1. Thông tin từ hồ sơ xuất khẩu, nhập khẩu: Là các nguồn thông tin có sẵn thể hiện trên hồ sơ xuất khẩu, nhập khẩu do người khai hải quan khai báo hoặc do cơ quan hải quan thực hiện trong quá trình làm thủ tục hải quan và sau khi hàng hóa đã thông quan, cụ thể: Dữ liệu khai báo trên tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu, tờ khai trị giá, hợp đồng ngoại thương (nếu có), invoice, chứng từ thanh toán và các chứng từ khác liên quan đến trị giá hải quan; Thông tin chi tiết về hàng hóa; Kết quả xác định trị giá hải quan; Kết quả kiểm tra trị giá hải quan; Kết quả tham vấn trị giá; Kết quả xử lý khiếu nại về trị giá; Kết quả kiểm tra sau thông quan; Kết quả thanh tra kiểm tra hải quan về trị giá; Thông tin về kết quả kiểm tra, xử lý về trị giá do lực lượng chống buôn lậu cung cấp.

2. Thông tin từ Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về trị giá được xây dựng trên cơ sở phân tích, tổng hợp từ các nguồn thông tin, dữ liệu có sẵn trên hồ sơ xuất khẩu, nhập khẩu và các nguồn thông tin dữ liệu khác do cơ quan hải quan thu thập được.

3. Thông tin về tình hình chấp hành pháp luật của doanh nghiệp: Các nguồn thông tin liên quan đến tình hình chấp hành chính sách pháp luật của doanh nghiệp trong khai báo và xác định trị giá hải quan, số lần vi phạm và mức độ vi phạm do cơ quan hải quan tổng hợp phân tích trên hệ thống quản lý rủi ro;

4. Thông tin từ nguồn khác: Là các nguồn thông tin do cơ quan Hải quan thu thập hoặc do các cơ quan có liên quan khác cung cấp đã được kiểm chứng mức độ tin cậy, bao gồm:

- a) Thông tin về giá giao dịch trên thị trường thế giới;
- b) Thông tin do Cục Quản lý giá cung cấp;
- c) Thông tin về giá kê khai do các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ quản lý theo pháp luật chuyên ngành đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của các Bộ quản lý;
- d) Thông tin từ báo, tạp chí, tài liệu chuyên ngành;
- đ) Thông tin giá chào bán trên mạng Internet;
- e) Thông tin về dấu hiệu gian lận thương mại trong khai báo trị giá hải quan hoặc đã được kiểm chứng mức độ tin cậy do các cơ quan có liên quan như: cơ quan quản lý thị trường, cơ quan công an, ngân hàng thương mại hoặc do các Bộ, ngành, cơ quan thuế, Hiệp hội, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân cung cấp cho cơ quan hải quan;
- f) Thông tin từ giá bán tại thị trường nội địa của hàng hóa giống hệt, hàng hóa tương tự với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, mối liên hệ giữa giá bán thị trường và giá bán hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do cơ quan hải quan thu thập định kỳ hoặc cơ quan thuế cung cấp (nếu có);
- g) Thông tin về giá bán hàng hóa để xuất khẩu đến Việt Nam do cơ quan hải quan các nước cung cấp theo thỏa thuận hợp tác hải quan song phương hoặc đa phương.

Nguồn thông tin dữ liệu giá tính thuế phải được thu thập, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác tại Hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan, được lưu giữ tập trung tại Trung tâm dữ liệu của Tổng cục Hải quan và cung cấp cho các đơn vị trong ngành Hải quan khai thác, sử dụng.

Điều 3. Đối tượng thu thập, cập nhật, khai thác, sử dụng hệ thống

1. Đối tượng thu thập, cập nhật, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu trị giá hải quan là các cán bộ, công chức hải quan có liên quan đến công tác giá trong ngành Hải quan.

2. Các đơn vị được cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu trị giá hải quan phải phân quyền theo tên truy cập, mật khẩu riêng đến từng cán bộ, công chức phù hợp chức năng, nhiệm vụ của từng cán bộ, công chức được giao theo sự phân công của Lãnh đạo đơn vị.

3. Việc trao đổi, cung cấp các thông tin trong cơ sở dữ liệu trị giá hải quan giữa các bộ phận trong đơn vị do Lãnh đạo đơn vị đó quyết định và phải tuân thủ các nguyên tắc về bảo mật và quản lý hệ thống.

4. Việc trao đổi cung cấp thông tin trong cơ sở dữ liệu trị giá cho các đơn vị ngoài ngành hải quan do Lãnh đạo Tổng cục Hải quan quyết định và phải tuân thủ nguyên tắc về bảo mật và quản lý hệ thống.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG VỀ THU THẬP, CẬP NHẬT, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU TRỊ GIÁ HẢI QUAN

Điều 4. Nội dung và phương pháp thu thập, cập nhật và xây dựng nguồn thông tin từ hồ sơ xuất khẩu, nhập khẩu

1. Việc thu thập thông tin phải từ tài liệu, hồ sơ, chứng từ do doanh nghiệp khai báo, nộp cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu và kết quả kiểm tra, kết quả xác định trị giá, kết quả tham vấn, kết quả khai báo sửa đổi, bổ sung, kết quả kiểm tra sau thông quan,... được phản ánh trên hồ sơ lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu hoặc các chứng từ có liên quan.

2. Nội dung thu thập, cập nhật các nguồn thông tin từ hồ sơ xuất khẩu, nhập khẩu:

a) Đối với dữ liệu trên tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu và tờ khai trị giá (nếu có):

Tự động tích hợp thông tin từ hệ thống Vnacss và E-customs V5 sang hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan.

b) Đối với thông tin chi tiết về hàng hoá:

Tự động tích hợp thông tin từ hệ thống Vnacss và E-customs V5 sang hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan.

Căn cứ vào kết quả kiểm hóa do kiểm hóa viên xác định và ghi trên tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu để cập nhật vào hệ thống. Thông tin chi tiết của hàng hoá phải đảm bảo phân biệt được mặt hàng này với mặt hàng khác, nhất là những mặt hàng doanh nghiệp khai báo chưa rõ ràng, cụ thể. Các thông tin cần cập nhật bổ sung bao gồm: Tên thương mại; nhà sản xuất; ký mã hiệu; model; năm sản xuất; nguyên liệu; thành phần; hàm lượng; nhãn mác,... Tùy theo đặc điểm, cấu tạo, công dụng của từng mặt hàng, nhóm hàng và mục tiêu quản lý giá để bổ sung các thông tin trên vào hệ thống cho phù hợp.

c) Đối với thông tin về kết quả kiểm tra hồ sơ, trị giá hải quan:

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ, trị giá hải quan để cập nhật vào hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan.

d) Đối với thông tin từ kết quả tham vấn: Căn cứ vào kết quả tham vấn ghi tại biên bản tham vấn do cơ quan hải quan kết luận và thông báo kết quả tham vấn để cập nhật vào hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan.

đ) Đối với thông tin từ kết quả xác định trị giá:

Căn cứ vào kết quả xác định trị giá hải quan do cơ quan hải quan xác định để cập nhật vào hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan.

e) Đối với thông tin từ kết quả giải quyết khiếu nại về trị giá hải quan:

Căn cứ vào hồ sơ và kết quả giải quyết khiếu nại tại các Quyết định giải quyết khiếu nại để cập nhật vào hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan.

f) Đối với thông tin từ kết quả kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan:

Căn cứ vào kết luận kiểm tra sau thông quan, nếu có liên quan đến trị giá thì cập nhật kết quả vào hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan. Trường hợp có quyết định ấn định thuế của Cục Kiểm tra sau thông quan thì cập nhật kết quả xác định vào hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan.

g) Đối với kết quả thanh tra và kiểm tra trị giá hải quan:

Căn cứ vào kết luận của Đoàn thanh tra hoặc kết luận kiểm tra, thanh tra về trị giá hải quan để cập nhật vào hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan.

h) Đối với thông tin từ lực lượng chống buôn lậu:

Căn cứ vào thông tin về kết quả kiểm tra, xử lý về trị giá để cập nhật vào hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan.

Điều 5. Nội dung và phương pháp thu thập, cập nhật, xây dựng và sử dụng Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về trị giá

1. Xây dựng Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về trị giá:

a) Cục Thuế xuất nhập khẩu - Tổng cục Hải quan căn cứ các tiêu chí xây dựng, bổ sung, sửa đổi mặt hàng trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về trị giá quy định tại Điều 24 và các nguồn thông tin quy định tại Điều 25 Thông tư số 39/2015/TT-BTC trình Tổng cục ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về trị giá theo từng giai đoạn.

b) Nguyên tắc và phương pháp xây dựng Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về trị giá:

b.1) Nguyên tắc, xây dựng Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về trị giá: Việc xây dựng Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về trị giá được thực hiện theo những nguyên tắc sau:

b.1.1) Mức giá xây dựng phải được tổng hợp từ các nguồn thông tin có độ tin cậy cao, có căn cứ và cơ sở rõ ràng.

b.1.2) Mức giá phải được xây dựng cho từng mặt hàng cụ thể với các thông tin chi tiết về tên hàng, mẫu mã, chủng loại, model, năm sản xuất, công

dụng, tính năng,...tùy theo tính chất từng mặt hàng, không xây dựng theo hình thức “gom khung” các mặt hàng có đặc điểm gần giống nhau hoặc xây dựng không cụ thể, rõ ràng.

b.1.3) Mức giá phải thường xuyên được rà soát và sửa đổi kịp thời khi có sự biến động về giá trên cơ sở kiến nghị của tổ chức cá nhân; đề xuất của Cục Hải quan tỉnh, thành phố và các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư số 39/2015/TT-BTC.

b.2) Phương pháp xây dựng: Nguồn thông tin xây dựng danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về trị giá quy định cụ thể tại Điều 25 Thông tư số 39/2015/TT-BTC. Việc xây dựng Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về trị giá được thực hiện trên cơ sở phân tích và tổng hợp các nguồn thông tin như sau:

b.2.1) Thông tin về trị giá của hàng hóa giống hệt, tương tự xuất khẩu, nhập khẩu do cơ quan hải quan xác định trị giá (tra cứu trong khoảng thời gian 06 tháng tính đến thời điểm xây dựng Danh mục, trường hợp không có thông tin tra cứu thì mở rộng thời gian tra cứu trong vòng 01 năm; trường hợp cần thiết có thể kéo dài thời gian tra cứu tối đa nhưng không quá 02 năm).

b.2.2) Thông tin về trị giá khai báo của hàng hóa giống hệt, tương tự xuất khẩu, nhập khẩu đã được chấp nhận trị giá khai báo loại trừ các trường hợp thuộc diện nghi ngờ (tra cứu trong khoảng thời gian 06 tháng tính đến thời điểm xây dựng Danh mục, trường hợp không có thông tin tra cứu thì mở rộng thời gian tra cứu trong vòng 01 năm; trường hợp cần thiết có thể kéo dài thời gian tra cứu tối đa nhưng không quá 02 năm).

b.2.3) Thông tin về trị giá khai báo của mặt hàng bộ linh kiện đồng bộ tương tự, cùng loại đã xuất khẩu, nhập khẩu, so sánh với trị giá khai báo của các nguyên liệu chính cấu thành nên sản phẩm đã nhập khẩu trước đó và không bị đánh dấu nghi ngờ.

b.2.4) Thông tin về trị giá khai báo của hàng giống hệt, tương tự do nhà xuất khẩu cung cấp hoặc do nhà sản xuất trong nước cung cấp.

b.2.5) Thông tin về trị giá của hàng giống hệt, tương tự đã được các cơ quan, tổ chức thẩm định giá xác nhận theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

b.2.6) Tính toán từ giá chào bán trên mạng Internet như sau:

Lấy giá Invoice dealer tại nước xuất khẩu trừ đi các khoản thuế tại nước xuất khẩu (tùy từng trường hợp cụ thể để quyết định tỷ lệ khấu trừ hợp lý trong khoảng từ 10% đến 20%). Trường hợp nếu khoản thuế tại nước xuất khẩu có thông tin khách quan để kiểm chứng cao hơn 20% thì được khấu trừ theo tỷ lệ thực tế.

Lưu ý: Khi lấy giá Invoice dealer phải lấy những mạng có địa chỉ tin cậy, hình thức bán hàng không bị hạn chế bởi những điều kiện nhất định có thể ảnh hưởng đến trị giá giao dịch.

b.2.7) Tính toán từ giá bán thị trường nội địa trên cơ sở: Lấy giá bán buôn trên thị trường nội địa (giá bán sau khi nhập khẩu) trừ đi chi phí phát sinh sau nhập khẩu. Chi phí phát sinh sau nhập khẩu bao gồm: các khoản thuế phải nộp trong nước, chi phí chung được phép hạch toán vào giá vốn và lợi nhuận. Chi phí chung và lợi nhuận được phép khấu trừ không quá 20% giá bán. Trường hợp chi phí chung và lợi nhuận cao hơn 20% giá bán sau khi nhập khẩu mà có thông tin khách quan, chứng từ chứng minh thì được khấu trừ theo tỷ lệ thực tế.

Trường hợp giá bán trên thị trường nội địa là giá bán lẻ thì quy đổi về giá bán buôn theo công thức: Giá bán buôn = Giá bán lẻ/110%.

b.2.8) Tham khảo các mức giá tương tự đã được quy định trước đó tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rồi ro về trị giá.

Trên cơ sở các kết quả so sánh từ các nguồn thông tin nêu trên, cán bộ giá tổng hợp và đề xuất mức giá phù hợp, nêu rõ cơ sở đề xuất đồng thời trình lãnh đạo ký duyệt và ban hành, áp dụng trên phạm vi toàn quốc.

Lưu ý:

Trong quá trình xây dựng danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rồi ro về trị giá, tùy từng trường hợp cụ thể để thu thập và tổng hợp các nguồn thông tin nhằm đưa ra mức giá phù hợp với thực tế, không nhất thiết phải thu thập đầy đủ các nguồn thông tin nêu trên mới xây dựng mức giá.

2. Cập nhật Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rồi ro về trị giá:

Cập nhật Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rồi ro về trị giá do Tổng cục Hải quan ban hành vào hệ thống.

3. Sử dụng Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rồi ro về trị giá:

Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rồi ro về trị giá được sử dụng để: So sánh, đối chiếu, kiểm tra trị giá khai báo của người khai hải quan, xác định nghi vấn, thực hiện tham vấn trong quá trình làm thủ tục hải quan hoặc sau khi hàng hóa đã thông quan theo quy định, không sử dụng để áp đặt trị giá hải quan, được lưu hành nội bộ và sử dụng thống nhất trong ngành Hải quan. Trường hợp cung cấp cho đơn vị ngoài ngành Hải quan theo yêu cầu phải được sự chấp nhận của Lãnh đạo Tổng cục.

4. Bổ sung, sửa đổi Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rồi ro về trị giá:

a) Bổ sung mức giá tham chiếu đối với trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu trong Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rồi ro về trị giá nhưng chưa có mức giá tham chiếu kèm theo thì xử lý như sau:

a.1) Cục Hải quan tỉnh, thành phố và các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục thực hiện báo cáo, đề xuất bổ sung mức giá kèm theo chứng từ, tài liệu (Theo Mẫu số 02/DMBX/2015 đính kèm Thông tư số 39/2015/TT-BTC).

a.2) Cục Thuế xuất nhập khẩu - Tổng cục Hải quan trên cơ sở đề xuất bổ sung của Cục Hải quan tỉnh, thành phố và các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan, thực hiện tổng hợp, phân tích thông tin từ các nguồn thông tin theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 39/2015/TT-BTC, quy đổi và đề xuất Tổng cục ban hành bổ sung mức giá tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rùi ro về trị giá.

b) Sửa đổi mức giá danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rùi ro về trị giá: Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát hiện mức giá tham chiếu quy định tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rùi ro về trị giá có sự tăng, giảm trên 10% thì xử lý như sau:

b.1) Cục Hải quan tỉnh, thành phố và các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan thực hiện báo cáo đề xuất sửa đổi mức giá kèm theo chứng từ, tài liệu (Theo Mẫu số 03/DMSD/2015 đính kèm Thông tư số 39/2015/TT-BTC).

b.2) Cục Thuế xuất nhập khẩu - Tổng cục Hải quan trên cơ sở đề xuất sửa đổi của Cục Hải quan tỉnh, thành phố và các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan, thực hiện tổng hợp, phân tích thông tin từ các nguồn thông tin theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 39/2015/TT-BTC, quy đổi và đề xuất Tổng cục ban hành sửa đổi mức giá tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rùi ro về trị giá.

c) Bổ sung mặt hàng vào danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rùi ro về trị giá và mức giá tham chiếu kèm theo đối với trường hợp hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đáp ứng một trong các tiêu chí quy định tại Điều 24 Thông tư số 39/2015/TT-BTC nhưng chưa được đưa vào Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rùi ro về trị giá theo báo cáo đề xuất (Theo Mẫu số 02/DMBX/2015 đính kèm Thông tư số 39/2015/TT-BTC) trên cơ sở thu thập các nguồn thông tin theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 39/2015/TT-BTC thì xử lý như sau:

c.1) Cục Hải quan tỉnh, thành phố và các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan thực hiện báo cáo, đề xuất bổ sung mặt hàng kèm theo chứng từ, tài liệu.

c.2) Cục Thuế xuất nhập khẩu - Tổng cục Hải quan trên cơ sở đề xuất bổ sung của Cục Hải quan tỉnh, thành phố và các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục Hải quan, thực hiện tổng hợp, phân tích thông tin từ các nguồn thông tin theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 39/2015/TT-BTC, quy đổi và đề xuất Tổng cục ban hành bổ sung mặt hàng vào Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rùi ro về trị giá.

5. Quản lý và lưu trữ:

Toàn bộ hồ sơ thu thập các nguồn thông tin, hồ sơ xây dựng Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rùi ro về trị giá bao gồm: Cơ sở thu thập nguồn thông tin, tờ trình báo cáo lãnh đạo các mức giá đề xuất khi xây dựng danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rùi ro về trị giá, ý kiến phê duyệt của Lãnh đạo phải được công chức xử lý lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Điều 6. Nội dung và phương pháp thu thập, cập nhật và xây dựng từ nguồn thông tin khác

Việc thu thập thông tin phải căn cứ tài liệu, chứng từ báo giá, kết quả tra cứu trên mạng internet, kết quả khảo sát giá...do doanh nghiệp, các cơ quan có liên quan cung cấp theo yêu cầu của cơ quan hải quan hoặc do cơ quan hải quan tự thu thập được trong quá trình kiểm tra, xác định trị giá tính thuế sau khi đã được kiểm tra, đánh giá mức độ tin cậy và đã được sử dụng để so sánh, kiểm tra trị giá khai báo.

1. Phương pháp thu thập, cập nhật đối với nguồn thông tin này được quy định cụ thể:

a) Nguồn thông tin về giá giao dịch trên thị trường thế giới: Căn cứ nhu cầu cần tìm kiếm thông tin về giá giao dịch trên thị trường thế giới phục vụ công tác nghiệp vụ trị giá, cán bộ công chức thừa hành tổ chức tra cứu thông tin trên mạng Internet, sau khi tìm thấy thông tin cần tìm kiếm thì thực hiện như sau:

a.1) In thông tin vừa tìm thấy (chú ý thông tin về tên hàng, mức giá, ...).

a.2) Lập tờ trình báo cáo Lãnh đạo (Lãnh đạo Chi cục; Lãnh đạo Phòng nghiệp vụ hoặc phòng Thuế xuất nhập khẩu; Lãnh đạo Cục Thuế xuất nhập khẩu tùy theo từng cấp) để đánh giá mức độ tin cậy của mức giá đã tra cứu trên mạng, trong tờ trình cần nêu rõ lập luận, cơ sở để lựa chọn mức giá. Lãnh đạo ghi ý kiến “chấp nhận” hoặc “không chấp nhận” tại tờ trình.

a.3) Cập nhật vào hệ thống đối với những trường hợp Lãnh đạo phê duyệt ý kiến “chấp nhận”.

b) Nguồn thông tin về giá kê khai do các cơ quan chuyên môn thuộc Bộ quản lý theo pháp luật chuyên ngành đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của các Bộ quản lý theo Pháp luật chuyên ngành: Căn cứ nhu cầu cần tìm kiếm thông tin trên trang thông tin điện tử của các Bộ phục vụ công tác nghiệp vụ trị giá, cán bộ, công chức làm công tác giá tổ chức tra cứu thông tin trên trang thông tin điện tử của các Bộ, sau khi tìm thấy thông tin cần tìm kiếm thì thực hiện như sau:

b.1) In thông tin vừa tìm thấy (chú ý thông tin về tên hàng, mức giá, ...).

b.2) Lập tờ trình báo cáo Lãnh đạo (Lãnh đạo Chi cục; Lãnh đạo Phòng nghiệp vụ hoặc phòng Thuế xuất nhập khẩu; Lãnh đạo Cục Thuế xuất nhập khẩu tùy theo từng cấp) để đánh giá mức độ tin cậy của mức giá đã tra cứu trên mạng, trong tờ trình cần nêu rõ lập luận, cơ sở để lựa chọn mức giá. Lãnh đạo ghi ý kiến “chấp nhận” hoặc “không chấp nhận” tại tờ trình.

b.3) Cập nhật vào hệ thống đối với những trường hợp Lãnh đạo phê duyệt ý kiến “chấp nhận”.

c) Nguồn thông tin từ báo, tạp chí, tài liệu chuyên ngành đối với ngành hàng như ô tô, xe máy, hàng điện tử, sắt thép... do công chức làm công tác trị giá

tiến hành phân tích, tổng hợp và lựa chọn thông tin về mặt hàng và mức giá phù hợp.

c.1) Sao chụp lại những thông tin của mặt hàng và mức giá đã lựa chọn.

c.2) Lập tờ trình báo cáo Lãnh đạo (Lãnh đạo Chi cục; Lãnh đạo Phòng nghiệp vụ hoặc phòng Thuế xuất nhập khẩu; Lãnh đạo Cục Thuế xuất nhập khẩu tùy theo từng cấp) trong đó cần nêu rõ lập luận, cơ sở để lựa chọn mức giá. Lãnh đạo ghi ý kiến “chấp nhận” hoặc “không chấp nhận” tại tờ trình.

c.3) Cập nhật vào hệ thống đối với những trường hợp Lãnh đạo phê duyệt ý kiến “chấp nhận”.

d) Nguồn thông tin từ giá chào bán trên mạng internet: Căn cứ nhu cầu cần tìm kiếm thông tin giá chào bán trên Internet phục vụ công tác nghiệp vụ trị giá, cán bộ, công chức làm công tác giá tổ chức tra cứu thông tin trên mạng Internet, sau khi tìm thấy thông tin cần tìm kiếm thì thực hiện như sau:

d.1) In thông tin vừa tìm thấy (chú ý thông tin về tên hàng, mức giá, ...).

d.2) Lập tờ trình báo cáo Lãnh đạo (Lãnh đạo Chi cục; Lãnh đạo Phòng nghiệp vụ hoặc phòng Thuế xuất nhập khẩu; Lãnh đạo Cục Thuế xuất nhập khẩu tùy theo từng cấp) để đánh giá mức độ tin cậy của mức giá đã tra cứu trên mạng, trong tờ trình cần nêu rõ lập luận, cơ sở để lựa chọn mức giá. Lãnh đạo ghi ý kiến “chấp nhận” hoặc “không chấp nhận” tại tờ trình.

d.3) Cập nhật vào hệ thống đối với những trường hợp Lãnh đạo phê duyệt ý kiến “chấp nhận”.

đ) Đối với nguồn thông tin về dấu hiệu gian lận thương mại trong khai báo trị giá do các cơ quan liên quan như: Quản lý thị trường, cơ quan công an, ngân hàng thương mại hoặc do các Bộ, ngành, cơ quan thuế, Hiệp hội, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân cung cấp thì cán bộ, công chức làm công tác giá căn cứ vào nội dung thông tin của các cơ quan trên thực hiện:

đ.1) Lập tờ trình báo cáo Lãnh đạo đề xuất cập nhật bổ sung vào hệ thống.

đ.2) Cập nhật bổ sung vào hệ thống theo ý kiến của Lãnh đạo phê duyệt.

e) Đối với các nguồn thông tin từ giá bán thị trường nội địa: Căn cứ nhu cầu cần tìm kiếm thông tin giá bán trên thị trường nội địa phục vụ công tác nghiệp vụ trị giá, Lãnh đạo phân công cán bộ, công chức tiến hành khảo sát giá bán tại thị trường nội địa (phân công 02 cán bộ, công chức cùng khảo sát giá). Khi tiến hành khảo sát giá, phải lập phiếu khảo sát giá bao gồm các yếu tố sau: Họ tên cán bộ khảo sát, địa chỉ khảo sát, thời gian khảo sát, tên hàng hoá cần khảo sát (mô tả chi tiết), đơn giá, cấp độ thương mại, các ghi chép khác. Căn cứ vào kết quả khảo sát tại phiếu khảo sát nêu trên:

e.1) Lập tờ trình báo cáo Lãnh đạo đề xuất cập nhật bổ sung vào nguồn dữ liệu giá. Lãnh đạo ghi ý kiến phê duyệt “chấp nhận” hoặc “không chấp nhận”.

e.2) Cập nhật bổ sung vào hệ thống đối với các trường hợp được Lãnh đạo phê duyệt “chấp nhận”.

f) Đối với các nguồn thông tin về giá bán hàng hóa để xuất khẩu đến Việt Nam do cơ quan hải quan các nước cung cấp theo thỏa thuận hợp tác hải quan song phương hoặc đa phương. Căn cứ vào nguồn thông tin được cung cấp:

f.1) Lập tờ trình báo cáo Lãnh đạo đề xuất cập nhật bổ sung vào hệ thống

f.2) Cập nhật bổ sung vào hệ thống theo ý kiến của lãnh đạo phê duyệt.

Điều 7. Trách nhiệm cập nhật các nguồn thông tin trong Hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan.

1. Trách nhiệm cập nhật:

a) Đối với các Chi cục Hải quan:

a.1) Cập nhật tất cả các thông tin về tờ khai trị giá, kết quả kiểm tra trị giá hải quan, kết quả tham vấn giá, kết quả kiểm hóa, kết quả tham vấn giá, kết quả xác định trị giá, kết quả xử lý khiếu nại về trị giá hải quan, kết quả kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan, kết quả thanh tra và kiểm tra trị giá hải quan đối với tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu ngay trong ngày xác định trị giá vào Hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan.

a.2) Cập nhật các nguồn thông tin khác ngoài hồ sơ xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Chương I Quy chế này ngay sau khi thông tin được thu thập và kiểm chứng mức độ tin cậy vào Hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan (nếu có).

b) Đối với các Cục Hải quan tỉnh, thành phố:

b.1) Cập nhật các thông tin từ kết quả kiểm tra ngay sau khi thực hiện vào Hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan bao gồm: Kết quả kiểm tra trị giá hải quan, kết quả tham vấn giá, kết quả xác định trị giá, kết quả xử lý khiếu nại về trị giá hải quan, kết quả kiểm tra sau thông quan về trị giá hải quan, kết quả thanh tra và kiểm tra trị giá hải quan, kết quả kiểm tra về trị giá do lực lượng chống buôn lậu cung cấp ngay trong ngày xác định trị giá vào Hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan.

b.2) Cập nhật các nguồn thông tin khác theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Chương I Quy chế này ngay sau khi thông tin được thu thập và kiểm chứng mức độ tin cậy vào Hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan.

c) Đối với Tổng cục:

c.1) Cục Thuế xuất nhập khẩu:

c.1.1) Cập nhật kết quả kiểm tra trị giá (nếu có);

c.1.2) Cập nhật danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về trị giá vào Hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan.

c.1.3) Cập nhật các nguồn thông tin khác theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Chương I Quy chế này ngay sau khi thông tin được thu thập và kiểm chứng mức độ tin cậy vào Hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan (nếu phát sinh tại Tổng cục Hải quan).

c.2) Cục Kiểm tra sau thông quan: Cập nhật kết quả kiểm tra sau thông quan, kết quả xử lý khiếu nại những nội dung liên quan đến trị giá hải quan của lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện kiểm tra sau thông quan, thực hiện giải quyết khiếu nại vào Hệ thống quản lý dữ liệu giá hải quan.

c.3) Thanh tra Tổng cục: Cập nhật kết quả thanh tra nội dung liên quan đến trị giá hải quan của lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện thanh tra, kiểm tra vào Hệ thống quản lý dữ liệu giá hải quan.

2. Phương pháp cập nhật các nguồn thông tin trong Hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan.

Việc cập nhật các nguồn thông tin đối với từng cấp theo phạm vi nêu trên được thực hiện theo tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm tại Hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan.

Điều 8. Sử dụng cơ sở dữ liệu trị giá hải quan

Cơ sở dữ liệu trị giá hải quan sử dụng để:

1. Xây dựng Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu rủi ro về trị giá;
2. Kiểm tra trị giá hải quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
3. Xác định trị giá hải quan đối với các trường hợp cơ quan hải quan phải xác định trị giá hải quan theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 39/2015/TT-BTC;
4. Phục vụ công tác quản lý nhà nước về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và các lĩnh vực khác.

CHƯƠNG III

QUẢN LÝ, BẢO MẬT CƠ SỞ DỮ LIỆU GIÁ

Điều 9. Trách nhiệm quản lý cơ sở dữ liệu trị giá hải quan

1. Tại cấp Chi cục:

a) Tổ chức thu thập, cập nhật các thông tin về giá vào hệ thống theo đúng chức năng, phạm vi và thẩm quyền của cấp Chi cục theo hướng dẫn tại Điều 4, Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 7 Chương II Quy chế này.

b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và kịp thời của các thông tin dữ liệu được thu thập và cập nhật vào Hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan.

c) Chịu trách nhiệm tổ chức khai thác, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn thông tin dữ liệu hiện có tại cơ sở dữ liệu trị giá hải quan.

d) Tổ chức phân quyền đến từng bộ phận nghiệp vụ, từng cán bộ công chức theo đúng chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận, từng cán bộ, công chức đã được Lãnh đạo phân công.

Chi cục trưởng chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, quản lý có hiệu quả trong quá trình thu thập, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu giá trong phạm vi do Chi cục quản lý.

2. Tại các Cục Hải quan tỉnh, thành phố:

a) Tổ chức thu thập, cập nhật các thông tin về giá vào hệ thống theo đúng chức năng, phạm vi và thẩm quyền của cấp Cục theo hướng dẫn tại Điều 4, Điều 6 và điểm b khoản 1 Điều 7 Chương II Quy chế này.

b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và kịp thời của các thông tin dữ liệu được thu thập và cập nhật vào hệ thống trong phạm vi toàn Cục.

c) Chịu trách nhiệm tổ chức khai thác, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn thông tin dữ liệu hiện có trong phạm vi toàn Cục.

d) Tổ chức phân quyền đến từng cán bộ công chức theo đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công trong quá trình khai thác và sử dụng hệ thống.

đ) Tổ chức đôn đốc, kiểm tra việc thu thập, cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu giá tại các Chi cục trực thuộc.

e) Là đầu mối phối hợp với các đơn vị trong việc nâng cấp chương trình, khắc phục các vướng mắc phát sinh khi có hướng dẫn của Tổng cục.

f) Đảm bảo sự vận hành thông suốt của hệ thống. Khắc phục các sự cố về vấn đề kỹ thuật, về máy móc thiết bị, đường truyền mạng, lỗi phần mềm... để duy trì sự hoạt động liên tục và có hiệu quả của hệ thống trong phạm vi toàn Cục. Trường hợp không khắc phục được sự cố thì phải báo cáo ngay về Tổng cục Hải quan (Cục Công nghệ Thông tin và thống kê Hải quan; Cục Thuế xuất nhập khẩu) để xem xét, xử lý.

Cục trưởng chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, quản lý có hiệu quả trong quá trình thu thập, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu trị giá hải quan trong phạm vi toàn Cục.

3. Tại Tổng cục Hải quan: Các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan tổ chức thu thập, cập nhật các thông tin giá vào Hệ thống quản lý dữ liệu giá hải quan theo đúng chức năng, phạm vi và thẩm quyền của đơn vị, các nội dung thu thập, cập nhật quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 Chương II Quy chế này.

a) Cục Thuế xuất nhập khẩu:

a.1) Quản lý về nội dung toàn bộ Hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan của toàn ngành Hải quan.

a.2) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các Cục Hải quan tỉnh, thành phố thu thập, cập nhật thông tin dữ liệu trị giá hải quan theo đúng thời gian quy định.

a.3) Xử lý các vấn đề nghiệp vụ phát sinh trong quá trình khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu trị giá hải quan trong toàn ngành Hải quan.

a.4) Thực hiện việc cấp tài khoản, phân quyền, phân chức năng cho từng đối tượng sử dụng tại Tổng cục Hải quan trên cơ sở yêu cầu của các đơn vị Vụ, Cục chức năng.

a.5) Quản lý danh sách các cán bộ sử dụng hệ thống tại đơn vị: Yêu cầu cán bộ sử dụng hệ thống khi được cấp tên truy cập phải đổi mật khẩu sau lần đầu tiên đăng nhập. Đối với các cán bộ luân chuyển công tác không sử dụng hệ thống phải thu hồi lại tài khoản không cho cán bộ đó được truy cập vào hệ thống.

a.6) Trong quá trình sử dụng nếu phát hiện chức năng bị lỗi kịp thời thông báo cho Cục Công nghệ Thông tin và thống kê Hải quan để được khắc phục.

b) Cục Công nghệ Thông tin và thống kê Hải quan:

b.1) Chịu trách nhiệm chia sẻ thông tin về dữ liệu trị giá kịp thời, chính xác để các đơn vị trong toàn ngành khai thác và sử dụng có hiệu quả. Bảo mật các thông tin được chia sẻ.

b.2) Quản lý, duy trì và đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật trong suốt quá trình vận hành cơ sở dữ liệu trị giá trong toàn ngành Hải quan.

b.3) Đảm bảo an ninh, an toàn về mặt kỹ thuật, bảo mật số liệu đối với Hệ thống quản lý dữ liệu trị giá Hải quan tại Trung tâm dữ liệu của Tổng cục Hải quan.

b.4) Theo dõi hoạt động của các dịch vụ, ứng dụng công nghệ thông tin có liên quan đến Hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan, đảm bảo hoạt động liên tục, không bị gián đoạn;

b.5) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các Cục Hải quan tỉnh, thành phố đảm bảo cho việc vận hành chương trình được thông suốt.

b.6) Hỗ trợ kỹ thuật cho các đơn vị hải quan trong quá trình vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu trị giá Hải quan.

b.7) Là đầu mối phối hợp với các đơn vị trong việc nâng cấp chương trình, khắc phục các lỗi, vướng mắc phát sinh khi có hướng dẫn của Tổng cục.

c) Cục Kiểm tra sau thông quan:

Chuyển đổi tự động các thông tin từ Hệ thống dữ liệu sau thông quan sang Hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan.

d) Ban Quản lý rủi ro:

Các thông tin về tình hình chấp hành tốt pháp luật tự động kết nối, cập nhật vào Hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan.

đ) Trách nhiệm của cán bộ, công chức Hải quan thuộc các cấp trong ngành:

đ.1) Cán bộ công chức Hải quan khi khai thác, sử dụng các thông tin dữ liệu trị giá hải quan trên hệ thống để hỗ trợ công tác kiểm tra, tham vấn, xác định trị giá hải quan và quản lý trị giá hải quan phải thực hiện theo đúng các văn bản pháp quy hiện hành hướng dẫn về trị giá hải quan.

đ.2) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và kịp thời của các dữ liệu được thu thập, cập nhật vào hệ thống đối với mảng dữ liệu được phân công.

đ.3) Dữ liệu thông tin đưa vào máy tính phải được kiểm tra phù hợp với bộ hồ sơ nhập khẩu hoặc chứng từ có liên quan theo đúng các quy định của pháp luật và theo đúng các văn bản đã được Lãnh đạo phê duyệt.

đ.4) Tuyệt đối tuân thủ quy trình quản lý trên máy tính.

đ.5) Chỉ được khai thác và sử dụng mảng dữ liệu trong hệ thống liên quan đến công việc chuyên môn theo sự phân công của lãnh đạo đồng thời chịu trách nhiệm về tính bảo mật đối với mảng dữ liệu được phân công theo dõi quản lý.

Điều 10. Bảo mật cơ sở dữ liệu trị giá hải quan

1. Các cán bộ, công chức sử dụng Hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan tại các cấp Hải quan sau khi được cấp tên, quyền hạn truy nhập hệ thống và các trang thiết bị đảm bảo an ninh, an toàn (thiết bị ký chữ ký số,...) có trách nhiệm tự thay đổi và bảo mật mật khẩu truy nhập, bảo quản các trang thiết bị và sử dụng đúng quyền hạn được xác lập trên hệ thống. Tên truy nhập, mật khẩu (hoặc chữ ký số) là căn cứ để xác định trách nhiệm của từng người sử dụng trong việc thực hiện các chức năng của hệ thống.

a) Cán bộ quản trị mạng phải phân rõ quyền hạn truy nhập vào Hệ thống quản lý dữ liệu trị giá hải quan.

b) Mật khẩu quản trị máy chủ tại cấp Cục Hải quan phải gồm ít nhất hai phần. Một phần do Lãnh đạo Trung tâm dữ liệu và công nghệ thông tin hoặc Lãnh đạo bộ phận phụ trách công nghệ thông tin tại Cục Hải quan giữ, một phần do cán bộ quản trị từng hệ thống tại cấp Cục giữ.

c) Mật khẩu quản trị máy chủ tại Tổng cục Hải quan phải gồm ít nhất hai phần. Một phần do Lãnh đạo Cục Công nghệ Thông tin và thống kê Hải quan phụ trách giữ, một phần do cán bộ quản trị hệ thống tại cấp Tổng cục giữ.

d) Các máy chủ, máy trạm phải cài phần mềm phòng chống virus có bản quyền, thường xuyên cập nhật để đảm bảo an toàn, an ninh hệ thống.

đ) Dữ liệu cập nhật hàng ngày của các đơn vị Hải quan cuối mỗi ngày hoặc mỗi buổi phải được lưu trữ thành một bản dự phòng. Bản dự phòng này có thể khôi phục được trong trường hợp có sự cố hỏng hóc thiết bị một cách khách quan.

e) Dữ liệu dự phòng phải đảm bảo được lưu trên thiết bị lưu trữ thống nhất, bảo mật và an toàn.

Cục trưởng Cục Công nghệ Thông tin và thống kê Hải quan tổ chức triển khai, hướng dẫn các đơn vị trong việc phân quyền, sao lưu dữ liệu dự phòng và lưu trữ cơ sở dữ liệu trị giá hải quan đảm bảo thống nhất, bảo mật và an toàn.

2. Nghiêm cấm việc cung cấp thông tin ra ngoài ngành Hải quan khi chưa được sự cho phép của Lãnh đạo Tổng cục Hải quan theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy chế này.

CHƯƠNG IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Cục Công nghệ Thông tin và thống kê Hải quan tổ chức xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu trị giá hải quan và ban hành tài liệu hướng dẫn sử dụng các chức năng của hệ thống để thực hiện thống nhất việc cập nhật, khai thác, sử dụng và quản lý thông tin dữ liệu trị giá hải quan trong toàn Ngành.

2. Cục trưởng Cục Thuế xuất nhập khẩu, Cục trưởng Cục Công nghệ Thông tin và thống kê Hải quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, quản lý có hiệu quả trong quá trình thu thập, cập nhật, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu trị giá hải quan trong toàn ngành Hải quan.

3. Các đơn vị và cá nhân liên quan thuộc Tổng cục Hải quan có trách nhiệm cập nhật, khai thác và sử dụng Hệ thống quản lý dữ liệu trị giá Hải quan theo đúng chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Quy chế này.

4. Cục trưởng các Cục Hải quan tỉnh, thành phố căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị mình để xây dựng và ban hành các quy định cụ thể phân cấp cho cán bộ, công chức trong quá trình thu thập, cập nhật, khai thác và sử dụng hệ thống dựa trên những quy định của quy chế này. Chỉ đạo các bộ phận nghiệp vụ có liên quan chia sẻ, cung cấp các thông tin có liên quan đến công tác kiểm tra, xác định trị giá hải quan như: Thông tin về tờ khai trên chương trình số liệu xuất nhập khẩu, thông tin về doanh nghiệp trên hệ thống quản lý rủi ro, thông tin vi phạm trên hệ thống xử lý vi phạm, thông tin về kiểm tra sau thông quan,... để nâng cao hiệu quả công tác khai thác thông tin trong toàn Ngành.

Nghiêm cấm mọi hành vi làm sai lệch thông tin trị giá hải quan, tự ý sửa chữa phần mềm cơ sở dữ liệu giá hoặc khai thác thông tin trị giá hải quan vào các mục đích ngoài quy định của pháp luật và Quy chế này.

5. Đơn vị, cá nhân vi phạm các quy định tại Quy chế này sẽ bị xử lý theo quy định của Ngành và của pháp luật.

6. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Tổng cục Hải quan đề hướng dẫn hoặc nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung kịp thời./.

**KT. TÔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TÔNG CỤC TRƯỞNG**



The image shows a handwritten signature in black ink over a circular official seal. The seal contains the text 'TỔNG CỤC HẢI QUAN' and 'HẢI QUAN VIỆT NAM'. A horizontal line is drawn across the seal and signature.

Nguyễn Dương Thái